

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Cương;

Ông Lệnh Xuân Chính;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hầu Mí S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Sùng Thị C, sinh năm 1993;

Địa chỉ nơi cư trú trước khi biệt tích: Thôn L, xã Bát Đại S1, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hầu Mí S trình bày: Anh và chị Sùng Thị C quen nhau năm 2010, tự nguyện tìm hiểu nhau được 01 năm thì tiến đến hôn nhân, được hai gia đình đồng ý và tổ chức đám cưới vào năm 2011, sau đám cưới chị C về chung sống cùng gia đình nhà anh tại thôn L, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến ngày 14/8/2013 thì vợ chồng đến Ủy ban nhân dân xã B đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bên nhau. Đầu năm 2014 anh S đi Trung Quốc làm thuê, chị C ở nhà chăm sóc con cái. Đến tháng 8 năm 2014 thì chị C bỏ đi đâu cho đến nay anh không liên lạc được. Cuối năm 2014 anh về

nhà đã đi tìm chị Sùng Thị C nhiều lần ở nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Anh S đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích để giải quyết việc ly hôn, ngày 11/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 02/2024/QĐST-DS tuyên bố chị Sùng Thị C mất tích. Nay anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Sùng Thị C.

Về con chung: Anh S và chị C có 02 con chung tên là Hậu Mí S2, sinh ngày 22/10/2012 và Hậu Mí S3, sinh ngày 01/01/2014. Hiện nay cháu S2 và cháu S3 đang sinh sống cùng anh. Anh S đề nghị sau khi ly hôn anh S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con đến khi cháu S2 và cháu S3 đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Sùng Thị C, vắng mặt. ngày 11/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 03/2024/QĐST-DS tuyên bố chị Sùng Thị C mất tích, đến nay chị C không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị C.

Tại phiên tòa, anh Hậu Mí S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quán Bạ:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh S được ly hôn với chị C; giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hậu Mí S2, sinh ngày 22/10/2012 và Hậu Mí S3, sinh ngày 01/01/2014; miễn án phí sơ thẩm cho anh Hậu Mí S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sùng Thị C đã được Tòa án nhân dân huyện Quán Bạ tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-DS ngày 11/3/2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh Hậu Mí S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Sùng Thị C, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xa

B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hầu Mí S và chị Sùng Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh S và chị C là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08 năm 2014 thì chị C bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không có tin tức gì. Anh S đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích. Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã thực hiện trình tự tố tụng và thông báo tìm kiếm chị C nhưng không có kết quả, không có thông tin gì về chị C. Ngày 11/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ đã ra quyết định tuyên bố chị Sùng Thị C mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cuộc sống chung giữa anh S và chị C không còn tồn tại, anh S yêu cầu xin ly hôn với chị C là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh S được ly hôn với chị Sùng Thị C.

[4] Về con chung: Anh S và chị C có 02 con chung tên là Hầu Mí S2, sinh ngày 22/10/2012 và Hầu Mí S3, sinh ngày 01/01/2014. Hiện nay cháu S2 và cháu S3 đang sinh sống cùng anh. Anh S đề nghị sau khi ly hôn anh S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con đến khi cháu S2 và cháu S3 đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Sùng Thị C biệt tích từ năm 2014 cho đến nay, không có tin tức xác thực về chị C, nên không giao trách nhiệm nuôi con hay cấp dưỡng nuôi con cho chị C được. Từ khi chị C biệt tích, anh S đã làm tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Vì vậy, giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hầu Mí S2 và Hầu Mí S3 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh S thuộc hộ nghèo được chính quyền nơi cư trú xác nhận và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên Hội đồng xét xử xét thấy anh S được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Hậu Mí S.

Xử cho anh Hậu Mí S được ly hôn với chị Sùng Thị C.

2. Về con chung: Giao cho anh Hậu Mí S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Hậu Mí S2, sinh ngày 22/10/2012 và Hậu Mí S3, sinh ngày 01/01/2014 cho đến khi cháu S2, cháu S3 đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho anh Hậu Mí S.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Hậu Mí S biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Sùng Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND xã Bát Đại Sơn;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Đình Vĩ

